

Số: /QĐ-UBND Tràng Định, ngày tháng năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 24 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp huyện tại Tờ trình số 39/TTr-TP ngày 29 tháng 01 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 22 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 (có Danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng Phòng Tư pháp; Trưởng các phòng, ban liên quan; thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chánh VPHĐND&UBND huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TP.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Thiện**

**DANH SÁCH**  
**XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Tên xã, thị trấn (1)	Tổng điểm (2)	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
<b>I</b>	<b>Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Xã Hùng Sơn	92,0	9,0	27,0	12,0	19,0	25,0	
2	Xã Kháng Chiến	91,0	10,0	24,0	12,0	20,0	25,0	
3	Xã Đội Cấn	89,0	10,0	25,0	10,0	19,0	25,0	
4	Xã Tân Tiến	88,5	9,0	24,0	12,5	18,0	25,0	
	Xã Đoàn Kết	88,5	8,0	23,0	13,5	19,0	25,0	
5	Xã Tân Minh	87,0	9,0	24,0	12,0	17,0	25,0	
6	Xã Vĩnh Tiến	86,5	9,0	22,0	12,5	18,0	25,0	
7	Xã Chí Minh	85,5	8,0	23,0	12,5	17,0	25,0	
8	Xã Đại Đồng	85,25	9,0	25,5	11,75	15,0	24,0	
9	Xã Đề Thám	84,0	9,0	25,0	14,0	12,0	24,0	
10	Xã Cao Minh	83,5	8,0	18,5	12,5	20,0	24,5	
11	Xã Quốc Khánh	82,5	9,0	21,5	11,5	17,0	23,5	
12	Xã Tân Yên	81,5	8,0	22,5	12,0	15,0	24,0	
13	Xã Kim Đồng	80,75	8,0	22,0	9,25	19,0	22,5	
14	Xã Chi Lăng	80,5	7,0	22,5	13,0	19,0	19,0	
	Xã Tri Phương	80,5	8,0	23,0	9,5	16,0	24,0	
	Xã Quốc Việt	80,5	9,0	20,0	11,5	20,0	20,0	
15	Xã Hùng Việt	80,25	7,0	19,75	10,5	18,0	25,0	
	Xã Khánh Long	80,25	9,0	20,0	10,25	16,0	25,0	
16	Xã Đào Viên	80,0	9,0	23,5	13,5	15,0	19,0	
	Xã Trung Thành	80,0	8,0	17,5	11,25	20,0	23,25	
<b>II</b>	<b>Thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</b>							
1	Thị trấn Thất Khê	83,25	8,0	21,0	9,25	20,0	25,0	